TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG EDUSOFT WEB

1. MỤC ĐÍCH TÀI LIỆU

Hướng dẫn và mô tả chi tiết từng tính năng sinh viên có thể thực hiện trên hệ thống đăng ký môn học trực tuyến của trường Đại học Hùng Vương.

2. HƯỚNG DẪN SINH VIÊN

2.1 Truy cập hệ thống

Đầu tiên, sinh viên cần truy cập hệ thống đăng ký môn học trực tuyến tại địa chỉ **www.daotao.hvu.edu.vn**.

2.2. Trang chủ

Trang chủ hiển thị danh mục các loại thông tin của nhà trường cần thông báo đến người dùng, phân loại thông tin bao gồm:

- Giới thiệu chung
- Thông báo
- Tin tức sự kiện
- Liên kết: danh sách trang web hữu ích mà nhà trường giới thiệu đến sinh viên
- Chat online: danh sách người dùng hỗ trợ trực tuyến thông qua yahoo messenger

2.3. Đăng nhập

Sinh viên đăng nhập vào hệ thống Edusoft Web bằng mã sinh viên và mật khẩu là ngày sinh của sinh viên với định dạng **ddmmyy**. *(Sinh viên cần lưu ý nên thay đổi mật khẩu ngay lần đầu tiên đăng nhập để bảo vệ thông tin cá nhân).* Sau khi đăng nhập thông tin chính chào mừng về sinh viên sẽ được hiển thị trên banner.

Ghi chú: Nếu sinh viên không đăng nhập được phải thông báo ngay cho Ban quản trị thông qua địa chỉ email: **kiennt@hvu.edu.vn** hoặc số điện thoại **0918 254 788**

2.4. Đăng ký môn học – dùng cho sinh viên

Sau khi đăng nhập, chọn "ĐĂNG KÝ MÔN HỌC" đề tiến hành đăng ký môn học. Mặc định hiển thị ban đầu là danh sách nhóm học được xếp dành cho lớp của sinh viên.

Trang đăng ký gồm 3 phần các thành phần chính sau:

+ Phần lọc để tìm nhanh các môn cần đăng ký.

+ Phần hiển thị danh sách các nhóm môn học.

+ Phần hiển thị danh sách các môn đã được chọn hoặc đã đăng ký trước đó, ngoài ra danh sách còn hiển thị danh sách đăng ký cứng (môn học sinh viên bắt buộc phải học).

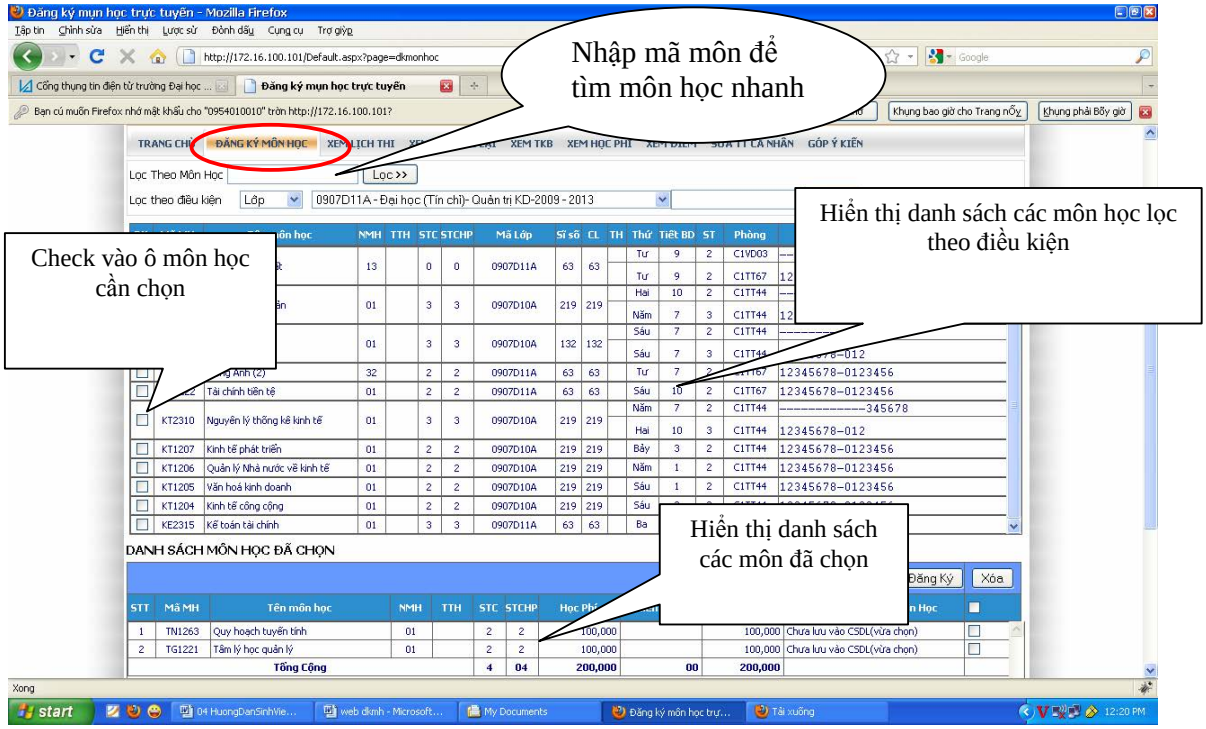

Mô tả chi tiết

a. Phần lọc

Gồm 2 phần lọc theo môn học và lọc theo điều kiện (khuyến cáo nên dùng lọc theo môn học để tìm nhanh môn học sinh viên muốn học)

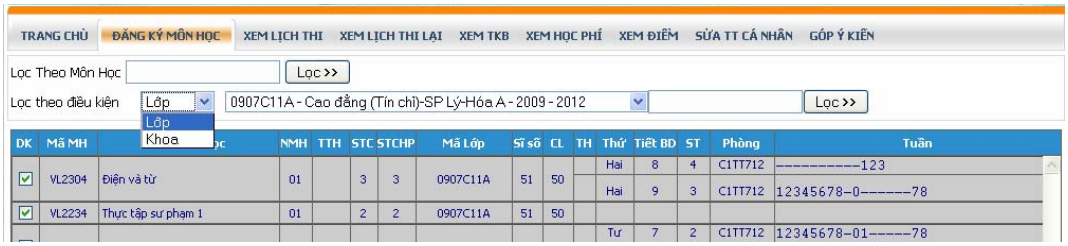

- Lọc theo môn học là giúp để tìm nhanh đến môn học cần đăng ký nếu biết mã môn học hoặc tên môn học, bằng cách nhập mã môn hoặc tên môn vào ô text sau đó bấm nút lọc phần hiển thị sẽ hiển thị đúng môn học sinh viên đã nhập, có thể tìm theo điều kiện chính xác hoặc tương đối (nghĩa là nhập gần đúng bằng các từ gợi ý).

- Lọc theo điều kiện được dùng để lọc cùng lúc nhiều môn học theo "Lớp" hoặc "Khoa". Nếu điều kiện lọc được chọn là "Lớp" thì danh sách tương ứng kế bên là danh sách lớp, ngoài ra sinh viên có thể tìm theo lớp nào đó bằng cách nhập mã lớp hoặc tên lớp vào ô text kế tiếp. Nếu điều kiện lọc được chọn là "Khoa" thì danh sách tương ứng kế bên là danh sách khoa, ngoài ra sinh viên có thể tìm theo lớp nào đó bằng cách nhập mã lớp hoặc tên lớp vào ô text kế tiếp.

b. Phần hiển thị danh sách các nhóm môn học

Mặc định lần đầu tiên khi load lên sẽ hiển thị danh sách nhóm học được xếp dành cho lớp của sinh viên.

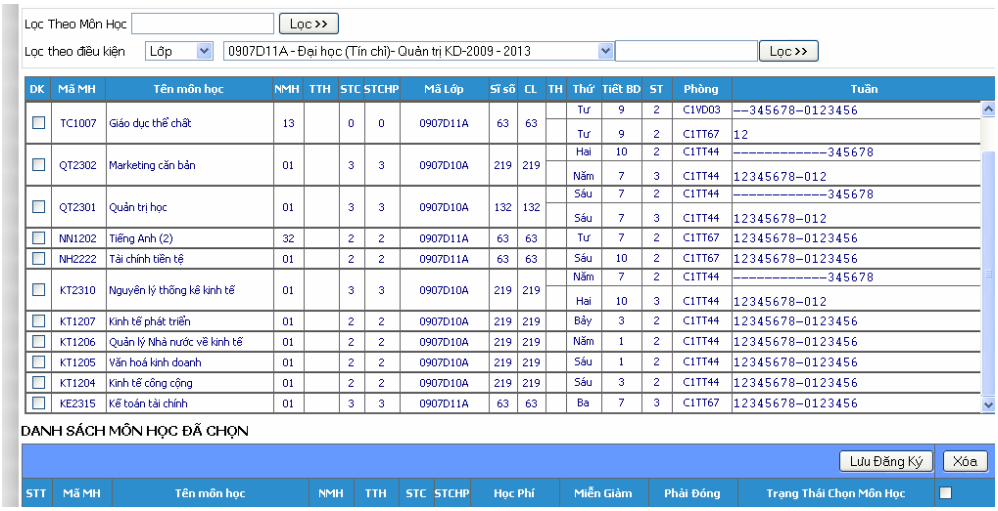

Thông tin được hiển thị gồm:

ĐK	Ô chọn lựa đăng ký
Mã môn học	Mã môn học
Tên môn học	Tên môn học
NMH :	Nhóm môn học

TTH:	Tổ đăng ký (các nhóm môn học lại được chia nhỏ thành các tổ đăng ký, mỗi tổ đăng ký có thời khóa biểu riêng)
STC:	Số tìn chỉ của môn học
STCHP :	Số tín chỉ đóng học phí
SCP:	Số lượng đăng ký tối đa cho phép của nhóm
CL:	Số lượng còn lại cho phép đăng ký
TH:	Tiết thực hành (để trắng là tiết lý thuyết)
Thứ :	Thứ
Tiết BĐ :	Tiết bắt đầu môn học
ST:	Số tiết môn học diễn ra
Phòng :	Phòng học
Tuần:	Tuần học (1 ký số là đại diện cho 1 tuần học, ký hiệu "-" nghĩa là tuần không học)

Thời khóa biểu tuần của môn học được biểu diễn bởi dãy số với số là số thứ tự của tuần học trong học kỳ , dấu gạch là tuần không học

VD : 12-4----90123 : nhóm môn học được học vào tuần 1, 2,4,9,10,11,12,13 của học kỳ, còn học vào thứ mấy học trong mấy tiết thì xem các cột thứ, tiết bắt đầu, số tiết .

- Sau khi xem thông tin các nhóm môn học, sinh viên có thể lựa chọn nhóm với điều kiện sinh viên cho là thích hợp nhất, muốn đăng ký nhóm môn nào thì check vào ô vuông trong cột đầu tiên (cột ĐK) của nhóm tương ứng.

- Khi chọn nhóm hệ thống sẽ tự động kiểm tra các điều kiện ràng buộc của môn học, nếu không hợp lệ sẽ xuất các thông báo tương ứng

Các ràng buộc khi chọn một nhóm môn học:

1. Kiểm tra môn học sinh viên đăng ký có thuộc ngành học của sinh viên (quy định theo chương trình đào tạo hệ ngành)

2. Kiểm tra môn học sinh viên đăng ký có thuộc khối lớp của sinh viên (quy định theo chương trình đào tạo khối lớp)

3. Kiểm tra ngày sinh viên đăng ký có nằm trong ngày quy định hoặc ngày đăng ký tự do.

4. Kiểm tra giờ sinh viên đăng ký có hợp lệ (nếu có quy định giới hạn đăng ký theo giờ)

5. Xét số tín chỉ max: không cho chọn khi vượt tín chỉ

6. Xét trùng môn học: chương trình tự bỏ nhóm môn học cũ và chọn nhóm môn học mới

7. Xét tiên quyết (tiên quyết là bắt buộc phải học và đạt một môn trước khi muốn đăng ký một môn được quy định trước): không cho chọn khi vi phạm tiên quyết

8. Xét trước (học trước là bắt buộc phải học một môn trước khi đăng ký một môn được quy định trước): không cho chọn khi vi phạm học trước

9. Xét song hành (song hành là quy định muốn học một môn phải đăng ký song hành một môn): vẫn cho chọn nhưng sẽ kiểm tra lại khi sinh viên chọn "Lưu Đăng Ký".

10. Xét trùng thời khóa biểu: tùy thuộc vào setting của admin: không cho chọn khi bị trùng tkb, cho sinh viên chọn hoặc bỏ qua, và không xét trùng tkb.

Lưu ý: ngoài danh sách các môn học sinh viên chọn, trong danh sách các môn đã chọn còn hiển thị các môn học đăng ký cứng sinh viên bắt buộc phải học, nếu là sinh viên niên chế thì môn học không tính học phí, nếu là sinh viên tín chỉ thì môn học phải đóng học phí.

- Nếu đăng ký thành công, môn học sẽ được hiển thị trong phần hiển thị danh sách các môn học đã chọn, môn học đó sẽ có dấu check và được bôi đậm.

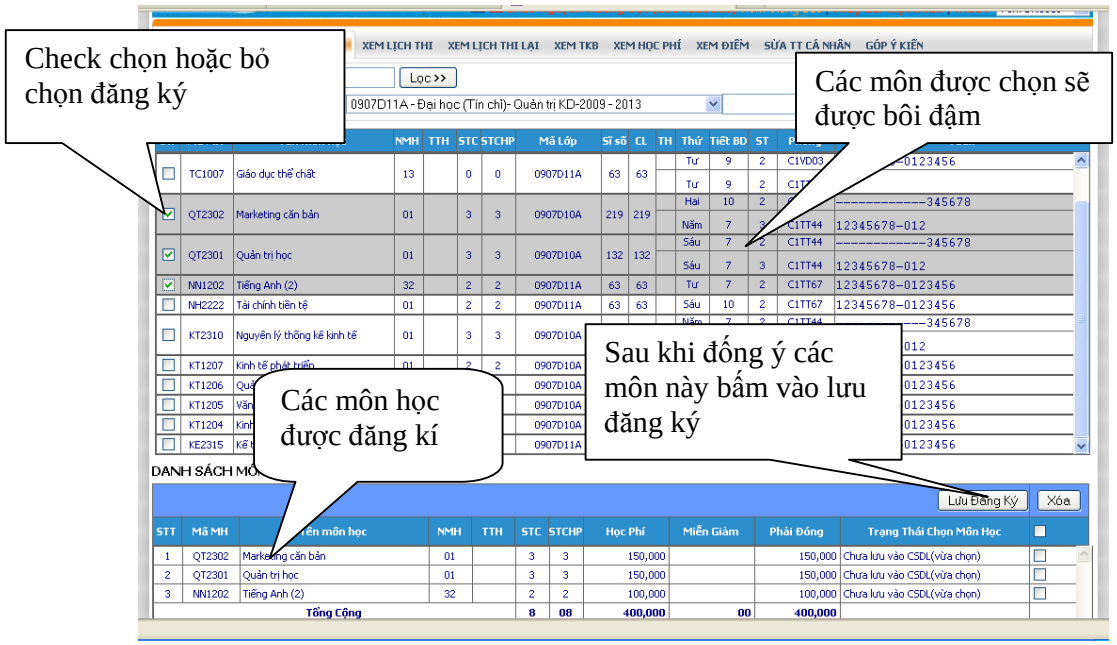

c. Phần hiển thị các môn đã được chọn

- Các môn được click chọn ở trên sẽ được hiển thị ở phần này với các thông tin ngắn gọn và thêm các thông tin về học phí như học phí, miễn giảm …. Và hệ thống tự động tính học phí tổng cộng mà sinh viên cần đóng

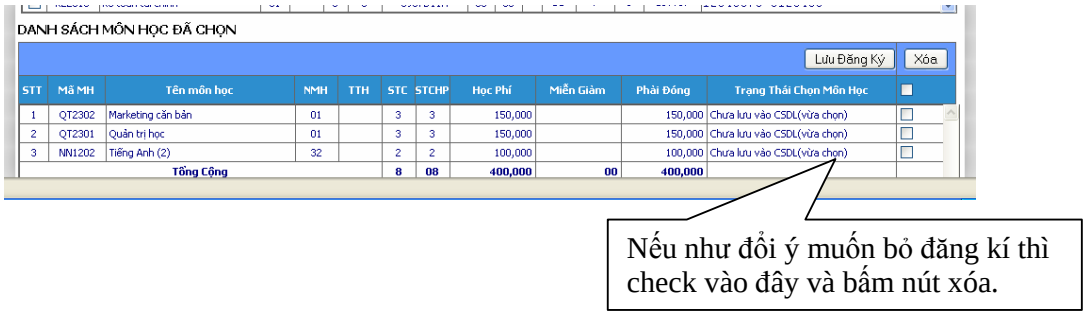

Nếu như đổi ý muốn bỏ đăng kí thì check vào đây và bấm nút xóa.

- Nếu như có thay đổi ý kiến muốn bỏ bớt môn học nào đó thì check vào dưới danh sách đã chọn và click nút xóa để bỏ môn đó ra khỏi danh sách đã chọn.

- Nếu như đồng ý các môn đã đăng ký thì click vào nút lưu đăng ký để hệ thống lưu vào cở sở dữ liệu và in ra bảng học phí cho sinh viên

- Trong trường hợp sinh viên không thể check chọn những môn trong "Danh sách đã đăng ký" đã đăng ký trước đó để xóa => thì nên biết đó là chính sách của trường : chỉ cho đăng ký mới không cho xóa.

- Trong trường hợp sinh viên thấy danh sách môn học phía trên còn chổ đăng ký (số lượng còn lại >0) + nằm trong ngày cho phép đăng ký + có thể xóa từ danh sách phía dưới => chính sách của nhà trường là cho xóa không cho chọn đăng ký mới.

- Trong trường hợp sinh viên không thể chọn lại những môn đã xóa trước đó (vd đã từng chọn môn A nhóm 1, sau đó xóa ra khỏi danh sách. Lần sau vào vẫn thấy môn A nhóm 1 vẫn còn chổ đăng ký nhưng bị ẩn không cho chọn) => chính sách của trường không cho phép sinh viên chọn lại những môn đã xóa.

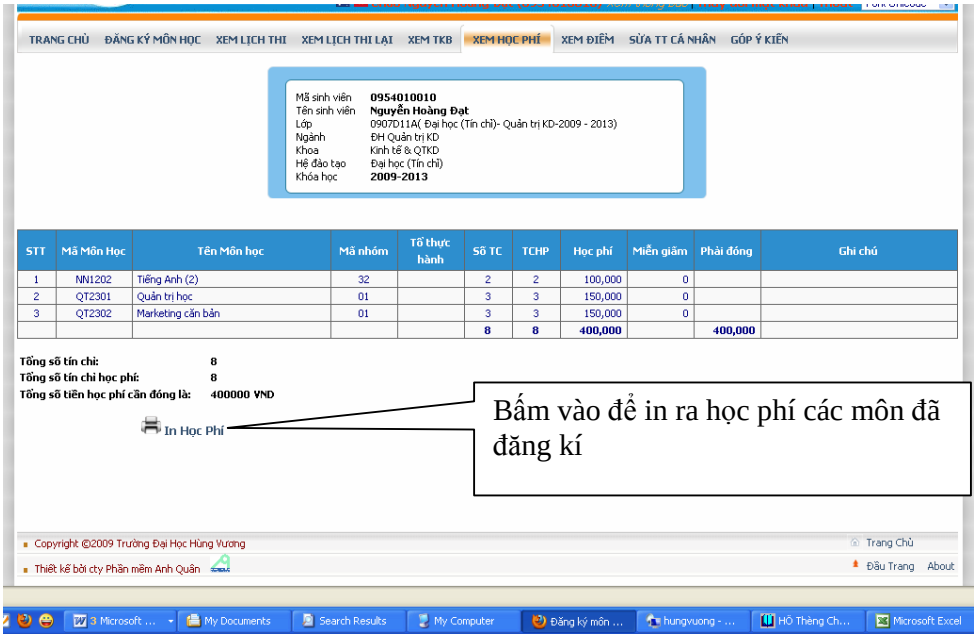

Bấm vào để in ra học phí các môn đã đăng kí

Lưu ý: Trường hợp nhóm môn học cần đăng ký đã hết chỗ hoặc không mở, sinh viên có thể đăng ký môn nguyện vọng. Trường hợp này giúp người quản trị có thể biết được những nguyện vọng muốn học của sinh viên để cân nhắc có nên mở thêm những lớp mới hay không.

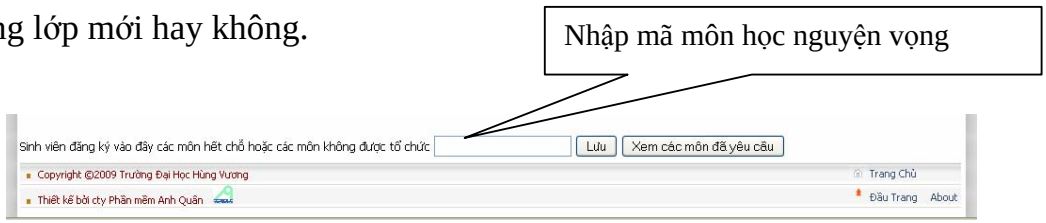

2.5. Xem lịch thi, xem lịch thi lại, xem lịch thi giữa kỳ -dùng cho sinh viên

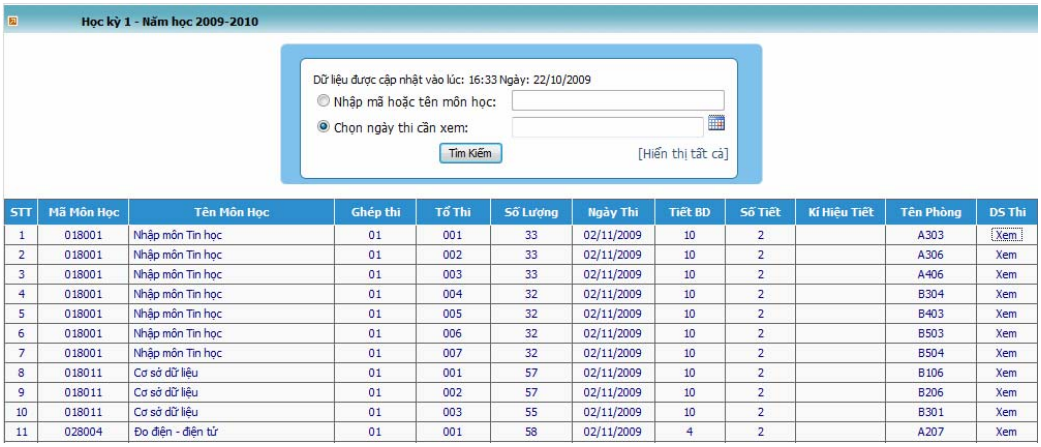

STT	Mã Môn Học	Tên Môn Học	Ghép thi	Tổ Thi	Số Lượng	Ngày Thi	Tiết BD	Số Tiết	Kí Hiệu Tiết	Tên Phòng	DS Thi
1	018001	Nhập môn Tin học	01	001	33	02/11/2009	10	2		A303	Xem
2	018001	Nhập môn Tin học	01	002	33	02/11/2009	10	2		A306	Xem
3	018001	Nhập môn Tin học	01	003	33	02/11/2009	10	2		A406	Xem
4	018001	Nhập môn Tin học	01	004	32	02/11/2009	10	2		B304	Xem
5	018001	Nhập môn Tin học	01	005	32	02/11/2009	10	2		B403	Xem
6	018001	Nhập môn Tin học	01	006	32	02/11/2009	10	2		B503	Xem
7	018001	Nhập môn Tin học	01	007	32	02/11/2009	10	2		B504	Xem
8	018011	Cơ sở dữ liệu	01	001	57	02/11/2009	10	2		B106	Xem
9	018011	Cơ sở dữ liệu	01	002	57	02/11/2009	10	2		B206	Xem
10	018011	Cơ sở dữ liệu	01	003	55	02/11/2009	10	2		B301	Xem
11	028004	Đo điện - điện tử	01	001	58	02/11/2009	4	2		A207	Xem

Danh sách lịch thi trên sấp xếp theo môn học

Tìm kiếm: Để xem lịch thi theo môn, click vào danh mục lựa chọn môn học hoặc là nhập trực tiếp tên môn học hay mã môn học vào ô text “nhập môn học”, để tìm lịch thi theo ngày thì chọn ngày, sau đó bấm “Tìm Kiếm” để xem thông tin.

STT: số thứ tự môn thi

Tên môn học: tên môn thi

Mã môn học: mã môn thi

Tổ thi: mã tổ thi

Số lượng: số lượng thí sinh

Ngày thi: ngày thi có dạng ngày / tháng / năm

Tiết BD: thứ tự tiết bắt đầu thi.

Số tiết: số tiết thi (ví dụ 3 là thi trong vòng 3 tiết)

Tên phòng: mã phòng thi

Kí hiệu tiết: ghi chú cho tiết thi.

DS Thi: hiển thị danh sách sinh viên thi

DANH SÁCH THI CỦA SINH VIÊN

Mã môn học: 018001
Tên môn học: Nhập môn Tin học
Ký hiệu ghép thi: 01
Tổ thi: 001
Ngày thi: 02/11/2009 Tiết bắt đầu: 10 Số tiết: 2
Phòng thi: A303
Số lượng: 33

STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Mã lớp	Tên lớp	Mã Khoa	Tên Khoa
1	3002070010	Trần Thanh Bình	19/10/88	07CDDT	Hệ cao đẳng-Kỹ thuật điện-Điện tử-2007	02	Điện - Điện tử
2	3002070026	Phạm Duy	17/07/86	07CDDT	Hệ cao đẳng-Kỹ thuật điện-Điện tử-2007	02	Điện - Điện tử
3	3002070058	Lê Khánh Huân	22/09/87	07CDDC	Hệ cao đẳng-Kỹ thuật điện-Điện tử-2007	02	Điện - Điện tử
4	3002070112	Huỳnh Minh Sang	05/07/89	07CDDC	Hệ cao đẳng-Kỹ thuật điện-Điện tử-2007	02	Điện - Điện tử
5	3002070119	Tạ Công Tặng	06/07/88	07CDDC	Hệ cao đẳng-Kỹ thuật điện-Điện tử-2007	02	Điện - Điện tử
6	3003060116	Nguyễn Nam Vũ	16/08/84	06CDCK1	Hệ cao đẳng-Cơ khí-2006	03	Cơ khí
7	3003070001	Nguyễn Hoàng Ân	20/01/87	07CDCK	Hệ cao đẳng-Cơ khí-2007	03	Cơ khí
8	3003070003	Châu Hồng Chấn	22/11/87	07CDCK	Hệ cao đẳng-Cơ khí-2007	03	Cơ khí
9	3003070009	Tô Bảo Đồng	08/01/88	07CDCK	Hệ cao đẳng-Cơ khí-2007	03	Cơ khí
10	3003070017	Phùng Văn Hùng	08/12/85	07CDCK	Hệ cao đẳng-Cơ khí-2007	03	Cơ khí
11	3003070039	Phan Văn Sang	06/03/89	07CDCK	Hệ cao đẳng-Cơ khí-2007	03	Cơ khí

Để in lịch thi và danh sách sinh viên thi nhấn vào In Lịch Thi nằm ở cuối trang

2.6. Xem thời khóa biểu –dùng cho sinh viên và giáo viên

Tùy vào chính sách của trường có cho phép người dùng xem thời khóa biểu khi chưa đăng nhập hay không, nếu cho phép, khi người dùng chọn xem thời khóa biểu mà chưa đăng nhập sẽ hiển thị bảng sau:

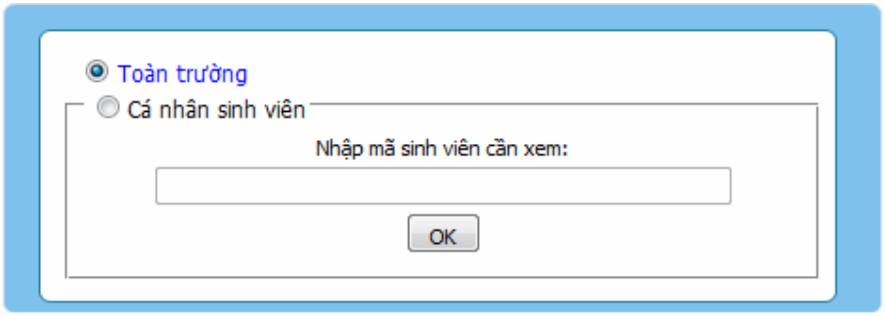

Nếu chính sách của trường không cho xem thời khóa biểu khi chưa đăng nhập thì sẽ link tới trang đăng nhập.

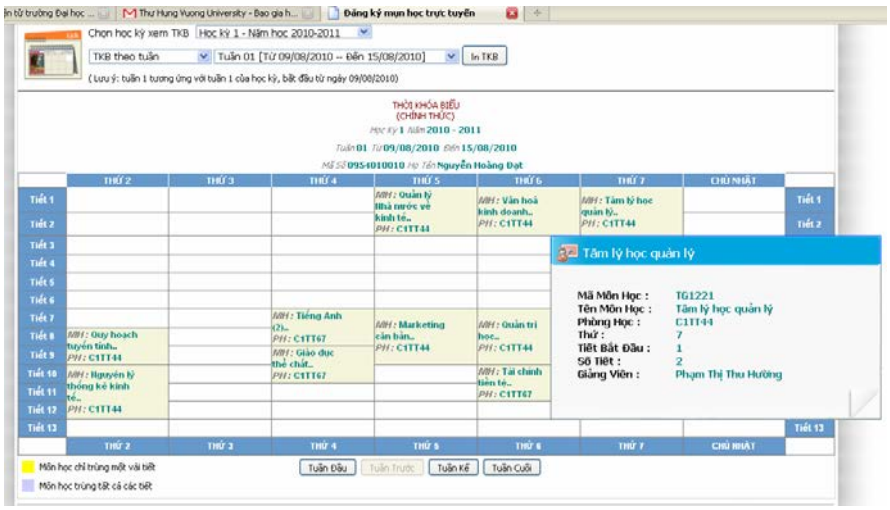

Sau khi người dùng đăng nhập, mặc định thời khóa biểu load lên khi sinh viên mở là thời khóa biểu tuần. Khi người dùng đưa chuột vào lịch cần xem, thông tin chi tiết về môn học sẽ được hiển thị.

Dạng thời khóa biểu học kỳ:

THỜI KHÓA BIỂU
(CHÍNH THỨC)
Học Kỳ 1 Năm 2010 - 2011

Mã Số 0954010010 Họ Tên Nguyễn Hoàng Đạt

Sắp xếp theo thứ tiết Sắp xếp môn học

Mã MH	Tên MH	NMH	STC	STCHP	Mã lớp	KDK	TH	Thứ	Tiết BD	ST	Phòng	Tuần
KT1205	Văn hoá kinh doanh	01	2	2	0907D10A			6	1	2	C1TT44	12345678-0123456
KT1206	Quản lý Nhà nước về kinh tế	01	2	2	0907D10A			5	1	2	C1TT44	12345678-0123456
KT1207	Kinh tế phát triển	01	2	2	0907D10A			7	3	2	C1TT44	12345678-0123456
KT2310	Nguyên lý thống kê kinh tế	01	3	3	0907D10A			5	7	2	C1TT44	----------345678
								2	10	3	C1TT44	12345678-012
NH2222	Tài chính tiền tệ	01	2	2	0907D11A			6	10	2	C1TT67	12345678-0123456
NN1202	Tiếng Anh (2)	32	2	2	0907D11A			4	7	2	C1TT67	12345678-0123456
QT2301	Quản trị học	01	3	3	0907D10A			6	7	2	C1TT44	----------345678
								6	7	3	C1TT44	12345678-012
QT2302	Marketing căn bản	01	3	3	0907D10A			2	10	2	C1TT44	----------345678
								5	7	3	C1TT44	12345678-012
TC1007	Giáo dục thể chất	13	0	0	0907D11A			4	9	2	C1VD03	--345678-0123456
								4	9	2	C1TT67	12
TG1221	Tâm lý học quản lý	01	2	2	0907D10A			7	1	2	C1TT44	12345678-0123456
TN1263	Quy hoạch tuyến tính	01	2	2	0907D10A			2	8	2	C1TT44	12345678-0123456

Khi xem thời khóa biểu học kỳ có 2 cách sắp xếp: theo môn học và theo thứ tiết (tăng dần theo thứ và tiết), hình trên biểu diễn cách sấp xếp theo môn học. Sắp xếp theo thứ tiết:

Mã Số 0954010010 Họ Tên Nguyễn Hoàng Đạt

Sắp xếp theo thứ tiết Sắp xếp môn học

Mã MH	Tên MH	NMH	STC	STCHP	Mã lớp	KDK	TH	Thứ	Tiết BD	ST	Phòng	Tuần
TN1263	Quy hoạch tuyến tính	01	2	2	0907D10A			2	8	2	C1TT44	12345678-0123456
KT2310	Nguyên lý thống kê kinh tế	01	3	3	0907D10A			2	10	3	C1TT44	12345678-012
QT2302	Marketing căn bản	01	3	3	0907D10A			2	10	2	C1TT44	----------345678
NN1202	Tiếng Anh (2)	32	2	2	0907D11A			4	7	2	C1TT67	12345678-0123456
TC1007	Giáo dục thể chất	13	0	0	0907D11A			4	9	2	C1VD03	--345678-0123456
TC1007	Giáo dục thể chất	13	0	0	0907D11A			4	9	2	C1TT67	12
KT1206	Quản lý Nhà nước về kinh tế	01	2	2	0907D10A			5	1	2	C1TT44	12345678-0123456
KT2310	Nguyên lý thống kê kinh tế	01	3	3	0907D10A			5	7	2	C1TT44	----------345678
QT2302	Marketing căn bản	01	3	3	0907D10A			5	7	3	C1TT44	12345678-012
KT1205	Văn hoá kinh doanh	01	2	2	0907D10A			6	1	2	C1TT44	12345678-0123456
QT2301	Quản trị học	01	3	3	0907D10A			6	7	2	C1TT44	----------345678
QT2301	Quản trị học	01	3	3	0907D10A			6	7	3	C1TT44	12345678-012
NH2222	Tài chính tiền tệ	01	2	2	0907D11A			6	10	2	C1TT67	12345678-0123456
TG1221	Tâm lý học quản lý	01	2	2	0907D10A			7	1	2	C1TT44	12345678-0123456
KT1207	Kinh tế phát triển	01	2	2	0907D10A			7	3	2	C1TT44	12345678-0123456

Khi xem thời khóa biểu danh mục hiển thị bao gồm:

Mã MH: mã môn học

Tên môn học: tên đầy đủ của môn học

NMH: nhóm môn học

TTH: tổ thực hành

STC: số tín chỉ

STCHP: số tín chỉ đóng học phí

SCP: số lượng đăng kí cho phép

CL: số lượng đăng kí còn lại

TH: có phải tiết thực hành không

Thứ: thứ học môn học

Tiết BD: tiết bắt đầu môn học

ST: số tiết phải học

Phòng: mã phòng học

Tuần: danh sách tuần học

Tuần học có dạng: 123--678901…..

Tuần có số xác định: là tuần học

Tuần có dấu -: là tuần nghỉ

VD: 123--56--901: học tuần thứ 1,2,3,5,6,9,10,11.

Lưu ý các tùy chọn người dùng có thể thực hiện:

1. Chọn học niên học học kỳ xem thời khóa biểu

2. Dạng thời khóa biểu cần xem: xem theo tuần, xem theo học kỳ và xem thời khóa biểu toàn trường

3. Chọn tuần cần xem khi muốn xem thời khóa biểu theo tuần

4. In thời khóa biểu: in thời khóa biểu hiện tại mà người dùng đang xem

2.7. Xem học phí

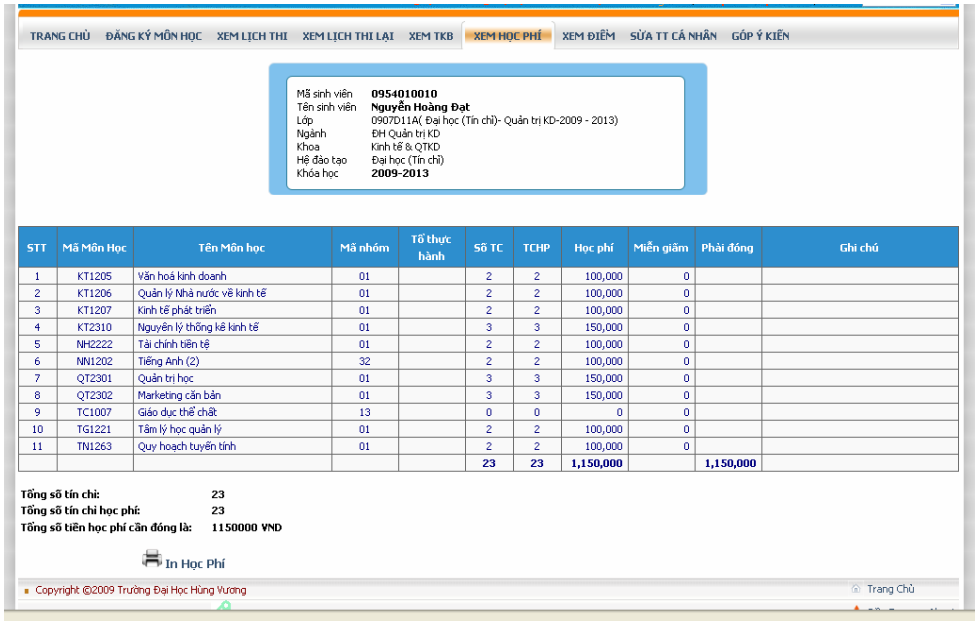

Khi muốn in học phí chọn "In học phí" phía dưới màn hình

2.8. Xem điểm

Mặc định khi load lên sẽ là danh sách điểm của học kỳ gần nhất:

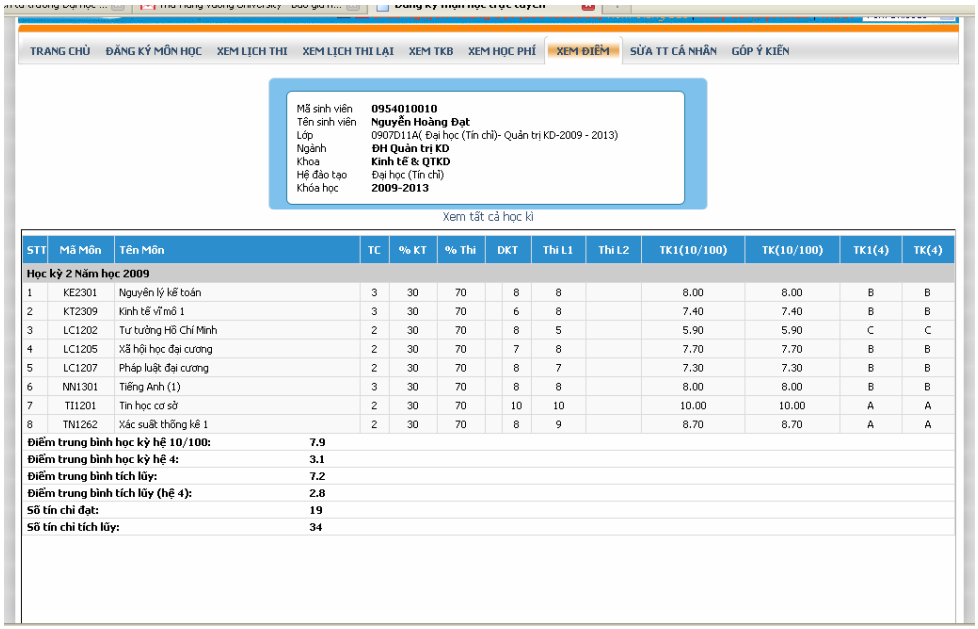

TRANG CHỦ | ĐĂNG KÝ MÔN HỌC | XEM LỊCH THI | XEM LỊCH THI LẠI | XEM TKB | XEM HỌC PHÍ | XEM ĐIỂM | SỬA TT CÁ NHÂN | GÓP Ý KIẾN

Mã sinh viên: **0954010010**
Tên sinh viên: **Nguyễn Hoàng Đạt**
Lớp: 0907D11A(Đại học (Tín chỉ)- Quản trị KD-2009 - 2013)
Ngành: **ĐH Quản trị KD**
Khoa: **Kinh tế & QTKD**
Hệ đào tạo: Đại học (Tín chỉ)
Khóa học: **2009-2013**

Xem tất cả học kì

STT	Mã Môn	Tên Môn	TC	% KT	% Thi	DKT	Thi L1	Thi L2	TK1(10/100)	TK(10/100)	TK1(4)	TK(4)
Học kỳ 2 Năm học 2009												
1	KE2301	Nguyên lý kế toán	3	30	70	8	8		8.00	8.00	B	B
2	KT2309	Kinh tế vĩ mô 1	3	30	70	6	8		7.40	7.40	B	B
3	LC1202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	70	8	5		5.90	5.90	C	C
4	LC1205	Xã hội học đại cương	2	30	70	7	8		7.70	7.70	B	B
5	LC1207	Pháp luật đại cương	2	30	70	8	7		7.30	7.30	B	B
6	NN1301	Tiếng Anh (1)	3	30	70	8	8		8.00	8.00	B	B
7	TI1201	Tin học cơ sở	2	30	70	10	10		10.00	10.00	A	A
8	TN1262	Xác suất thống kê 1	2	30	70	8	9		8.70	8.70	A	A
Điểm trung bình học kỳ hệ 10/100:			**7.9**									
Điểm trung bình học kỳ hệ 4:			**3.1**									
Điểm trung bình tích lũy:			**7.2**									
Điểm trung bình tích lũy (hệ 4):			**2.8**									
Số tín chỉ đạt:			**19**									
Số tín chỉ tích lũy:			**34**									

"Xem tất cả học kỳ":

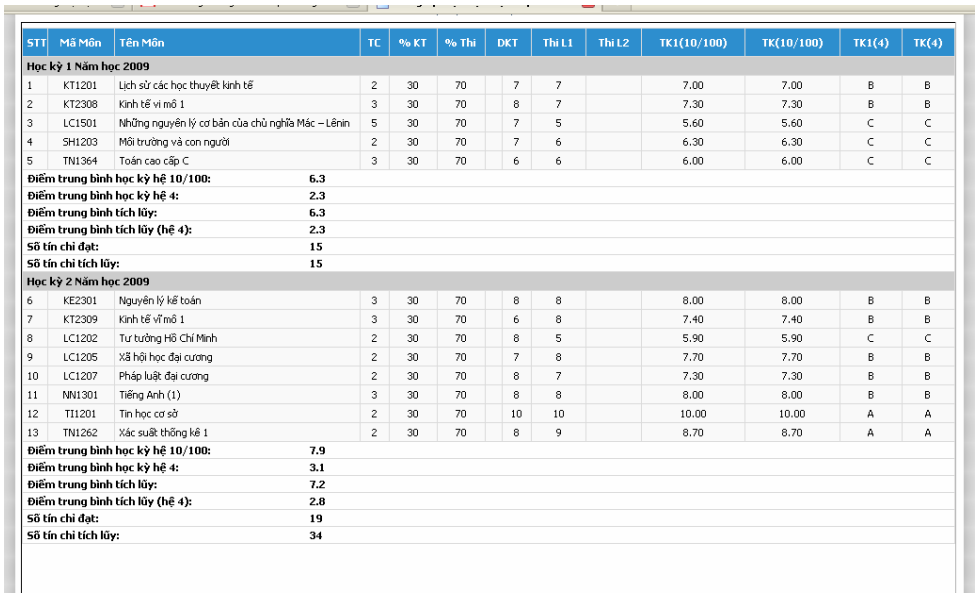

STT	Mã Môn	Tên Môn	TC	% KT	% Thi	DKT	Thi L1	Thi L2	TK1(10/100)	TK(10/100)	TK1(4)	TK(4)
Học kỳ 1 Năm học 2009												
1	KT1201	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30	70	7	7		7.00	7.00	B	B
2	KT2308	Kinh tế vi mô 1	3	30	70	8	7		7.30	7.30	B	B
3	LC1501	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	30	70	7	5		5.60	5.60	C	C
4	SH1203	Môi trường và con người	2	30	70	7	6		6.30	6.30	C	C
5	TN1364	Toán cao cấp C	3	30	70	6	6		6.00	6.00	C	C
Điểm trung bình học kỳ hệ 10/100:			**6.3**									
Điểm trung bình học kỳ hệ 4:			**2.3**									
Điểm trung bình tích lũy:			**6.3**									
Điểm trung bình tích lũy (hệ 4):			**2.3**									
Số tín chỉ đạt:			**15**									
Số tín chỉ tích lũy:			**15**									
Học kỳ 2 Năm học 2009												
6	KE2301	Nguyên lý kế toán	3	30	70	8	8		8.00	8.00	B	B
7	KT2309	Kinh tế vĩ mô 1	3	30	70	6	8		7.40	7.40	B	B
8	LC1202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	70	8	5		5.90	5.90	C	C
9	LC1205	Xã hội học đại cương	2	30	70	7	8		7.70	7.70	B	B
10	LC1207	Pháp luật đại cương	2	30	70	8	7		7.30	7.30	B	B
11	NN1301	Tiếng Anh (1)	3	30	70	8	8		8.00	8.00	B	B
12	TI1201	Tin học cơ sở	2	30	70	10	10		10.00	10.00	A	A
13	TN1262	Xác suất thống kê 1	2	30	70	8	9		8.70	8.70	A	A
Điểm trung bình học kỳ hệ 10/100:			**7.9**									
Điểm trung bình học kỳ hệ 4:			**3.1**									
Điểm trung bình tích lũy:			**7.2**									
Điểm trung bình tích lũy (hệ 4):			**2.8**									
Số tín chỉ đạt:			**19**									
Số tín chỉ tích lũy:			**34**									

Chọn "In điểm thi" để in danh sách điểm thi hiện tại sinh viên đang xem:

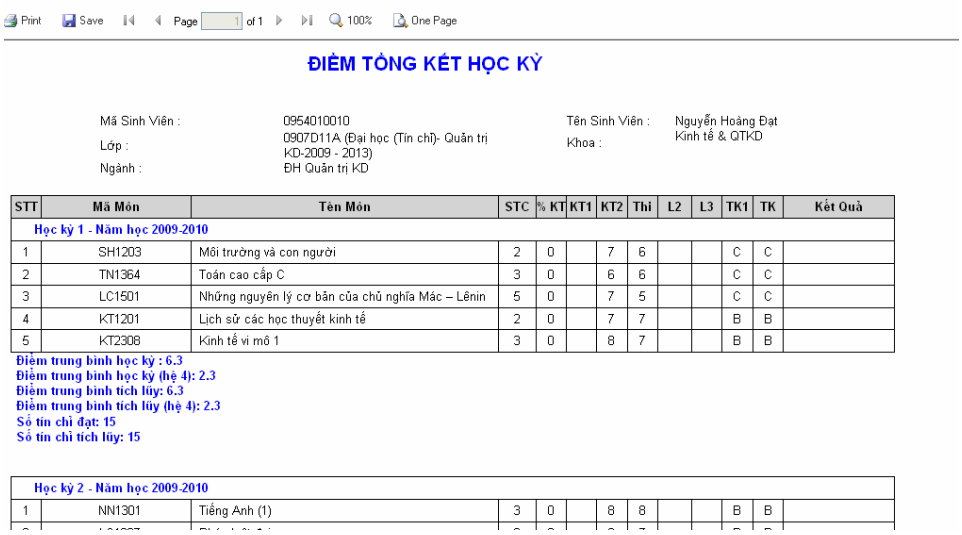

Print Save Page 1 of 1 100% One Page

ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC KỲ

Mã Sinh Viên : 0954010010 Tên Sinh Viên : Nguyễn Hoàng Đạt
Lớp : 0907D11A (Đại học (Tín chỉ)- Quản trị KD-2009 - 2013) Khoa : Kinh tế & QTKD
Ngành : ĐH Quản trị KD

STT	Mã Môn	Tên Môn	STC	% KT	KT1	KT2	Thi	L2	L3	TK1	TK	Kết Quả
Học kỳ 1 - Năm học 2009-2010												
1	SH1203	Môi trường và con người	2	0		7	6			C	C	
2	TN1364	Toán cao cấp C	3	0		6	6			C	C	
3	LC1501	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	0		7	5			C	C	
4	KT1201	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	0		7	7			B	B	
5	KT2308	Kinh tế vi mô 1	3	0		8	7			B	B	

Điểm trung bình học kỳ : 6.3
Điểm trung bình học kỳ (hệ 4): 2.3
Điểm trung bình tích lũy: 6.3
Điểm trung bình tích lũy (hệ 4): 2.3
Số tín chỉ đạt: 15
Số tín chỉ tích lũy: 15

Học kỳ 2 - Năm học 2009-2010												
1	NN1301	Tiếng Anh (1)	3	0		8	8			B	B	

2.9. Sửa thông tin cá nhân

Khi sinh viên muốn sửa đổi mục nào (Điện thoại, Email), sinh viên click vào "Sửa đổi" tương ứng.

2.10. Góp ý kiến

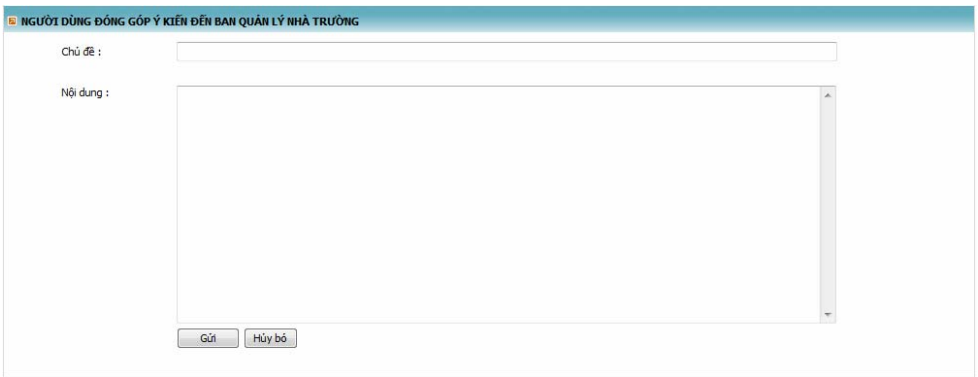

Người dùng gửi ý kiên đến ban quả lý nhà trường, khi nhà trường có trả lời lại thì khi người dùng đăng nhập vào sẽ nhận được "Bạn có thông báo mới" trên banner.